

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 11 năm 2022

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 579/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 323/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Võ Kim Th; Sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp Ch, xã Lý V L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

* *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T; Sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp Ch, xã Lý V L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

Nguyên đơn, bị đơn có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Võ Kim Th trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

- Anh Lê Thanh T và chị Võ Kim Th sống chung với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tam G, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng đến khi sinh con vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường hay cự cãi, đến năm 2018 vợ, chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình, đến năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng thường hay cự cãi, bất đồng ý kiến, do anh T có tính gia trưởng, áp đặt, ghen tuông vô cơ và xúc phạm đến chị. Mặc dù gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, hiện tại vợ, chồng không sống chung thời gian khoảng 03 tháng nay.

Nay xét thấy mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chị Th xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 người con tên Lê Tuấn A, sinh ngày 08/5/2018. Hiện cháu đang sống chung với vợ, chồng. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con; không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa chị Th đồng ý giao con cho anh T nuôi, không cấp dưỡng

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

* Anh Lê Thanh T trình bày:

- Về nơi đăng ký, thời gian kết hôn đúng như chị Th trình bày. Về mâu thuẫn vợ, chồng không đúng như chị Th trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng khoảng 03 tháng nay, nguyên nhân vợ, chồng cự cãi, có lớn tiếng với chị Th và anh T đã thừa nhận các lỗi lầm gây ra với chị đúng như chị Th trình bày, anh T muốn hàn gắn sống lại với chị Th để có cơ hội sửa chữa cùng chị Th sống để nuôi con. Anh T cho rằng mâu thuẫn này là nhỏ do còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn.

Nay chị Th cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

- Về con chung: Vợ, chồng có 01 người con tên Lê Tuấn A, sinh ngày 08/5/2018. Hiện cháu đang sống chung với vợ, chồng. Khi ly hôn anh T yêu cầu nuôi con; không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết anh T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ, chồng nhưng tại phiên tòa anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp: Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[2] Về hôn nhân: Chị Th và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị Th do vợ, chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn, hiện tại anh, chị không còn yêu thương nhau, cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, chị xác định cũng không còn tình cảm với anh T. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị Th, thì chị cũng không về chung sống với anh T, tại phiên tòa anh T xin cho cơ hội sửa chữa để hàn gắn vợ, chồng nhưng chị Th không đồng ý cho anh T cơ hội để sửa chữa, xét thấy tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, thì không ai có ý thức để xây dựng một gia đình chung cho nhau, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị Th.

Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Vợ, chồng có 01 người con tên Lê Tuấn A, sinh ngày 08/5/2018. Hiện cháu đang sống chung với anh, chị. Khi ly hôn chị Th và anh T thỏa thuận giao cháu A cho anh T nuôi. Anh T không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Thỏa thuận của anh, chị phù hợp với quy định nên tiếp tục giao cháu Lê Tuấn A - sinh ngày 08/5/2018 cho anh T nuôi, không cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Chị Th và anh T xác định tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét đến.

[6] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Th và anh T xác định không có nợ ai và không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Kim Th về việc xin ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu tên Lê Tuấn A, sinh ngày 08/5/2018 cho anh T nuôi. Anh T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Chị Th không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Th và anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Chị Th và anh T xác định không có nợ ai và không ai nợ lại.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Võ Kim Th phải nộp số tiền 300.000 đồng, ngày 17/10/2022, chị Th đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số 0002205 được đối trừ sung quỹ nhà nước. Anh T được nhận lại toàn bộ số tiền 1.037.000 đồng theo lai thu số 0002468 vào ngày 15/11/2022 khi bản án có hiệu lực.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- UBND xã T G, huyện N Cn, tỉnh Cà Mau;
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

Nguyễn Thị Thắm